

**Phụ lục**  
**BAN HÀNH ÁP DỤNG TÀI LIỆU HỆ THỐNG**  
**QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN**  
**ISO 9001:2015 TẠI UBND THỊ XÃ HƯƠNG THỦY**

(Kèm theo Quyết định số: 3340/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2022 của UBND thị xã Hương Thủy)

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã hiệu quy trình</b>
<b>I. QUY TRÌNH HỆ THỐNG (06 quy trình)</b>		
1.	Sổ tay chất lượng	H57.37-STCL
2.	Chính sách chất lượng	H57.37-CSCL
3.	Quy trình kiểm soát thông tin dạng văn bản	H57.37-01/HT
4.	Quy trình đánh giá nội bộ	H57.37-02/HT
5.	Quy trình kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục	H57.37-03/HT
6.	Quy trình quản lý rủi ro	H57.37-04/HT
<b>II. QUY TRÌNH NỘI BỘ (15 quy trình)</b>		
1.	Quy trình Đăng ký, xây dựng chương trình công tác	H57.37-01/NB
2.	Quy trình Đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức	H57.37-02/NB
3.	Quy trình Quản lý văn bản đi	H57.37-03/NB
4.	Quy trình Quản lý văn bản đến	H57.37-04/NB
5.	Quy trình thanh toán nội bộ	H57.37-05/NB
6.	Quy trình quản lý tài sản	H57.37-06/NB
7.	Quy trình đăng ký sử dụng tài sản	H57.37-07/NB
8.	Quy trình mua sắm, bảo trì, sửa chữa tài sản	H57.37-08/NB
9.	Quy trình lập hồ sơ hiện hành và giao nộp hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ cơ quan	H57.37-09/NB
10.	Quy trình họp giao ban	H57.37-10/NB
11.	Quy trình tổ chức hội nghị, hội thảo	H57.37-11/NB
12.	Quy trình bổ nhiệm, luân chuyển, điều động cán bộ, công chức của cơ quan	H57.37-12/NB
13.	Quy trình xin nghỉ phép	H57.37-13/NB
14.	Quy trình phối hợp giữa các đơn vị để giải quyết công việc nội bộ của cơ quan	H57.37-14/NB
15.	Quy trình xét Thi đua - Khen thưởng	H57.37-15/NB
<b>III. QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TTHC (252 quy trình)</b>		
<b>VĂN PHÒNG HĐND&amp;UBND (01 quy trình)</b>		<b>H57.37.1</b>
1.	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của ủy ban nhân dân cấp huyện	H57.37.1-01/TTHC
<b>PHÒNG GIÁO DỤC (34 quy trình)</b>		<b>H57.37.2</b>
2.	Thủ tục Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục (1.004494)	H57.37.2-01/TTHC
3.	Thủ tục cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục (1.006390)	H57.37.2-02/TTHC

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã hiệu quy trình</b>
4.	Giải quyết Thủ tục cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại (1.006444)	H57.37.2-03/TTHC
5.	Giải quyết Thủ tục Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (1.006445)	H57.37.2-04/TTHC
6.	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập) (1.004515)	H57.37.2-05/TTHC
7.	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục (1.004555)	H57.37.2-06/TTHC
8.	Thủ tục cho phép trường TH hoạt động giáo dục (2.001842)	H57.37.2-07/TTHC
9.	Giải quyết 02 thủ tục hành chính Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại (1.004552) và Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại (1.004475)	H57.37.2-08/TTHC
10.	Thủ tục Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học (1.004563)	H57.37.2-09/TTHC
11.	Giải quyết 02 thủ tục hành chính Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học) (1.001639) và Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường) (2.001818)	H57.37.2-10/TTHC
12.	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học (1.005099)	H57.37.2-11/TTHC
13.	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục (1.004442)	H57.37.2-12/TTHC
14.	Thủ tục cho phép trường THCS hoạt động giáo dục (1.004444)	H57.37.2-13/TTHC
15.	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp (1.008951)	H57.37.2-14/TTHC
16.	Thủ tục Sáp nhập, chia, tách trường trường trung học cơ sở (2.001809)	H57.37.2-15/TTHC
17.	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài (2.002483)	H57.37.2-16/TTHC
18.	Tuyển sinh trung học cơ sở (3.000182)	H57.37.2-17/TTHC
19.	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước (2.002482)	H57.37.2-18/TTHC
20.	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở (2.001904)	H57.37.2-19/TTHC
21.	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở (1.005108)	H57.37.2-20/TTHC
22.	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục (1.004496)	H57.37.2-21/TTHC
23.	Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú (1.004545)	H57.37.2-22/TTHC
24.	Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục (2.001839)	H57.37.2-23/TTHC
25.	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú (2.001837)	H57.37.2-24/TTHC
26.	Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú (2.001824)	H57.37.2-25/TTHC
27.	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng (1.004439)	H57.37.2-26/TTHC
28.	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại (1.004440)	H57.37.2-27/TTHC
29.	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (1.005106)	H57.37.2-28/TTHC
30.	Quy trình đánh giá, xếp loại Cộng đồng học tập cấp xã (1.005097)	H57.37.2-29/TTHC

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã hiệu quy trình</b>
31.	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận (1.008724)	H57.37.2-30/TTHC
32.	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận (1.008725)	H57.37.2-31/TTHC
33.	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn (1.004438)	H57.37.2-32/TTHC
34.	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo (1.001622)	H57.37.2-33/TTHC
35.	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp (1.008950)	H57.37.2-34/TTHC
	<b>PHÒNG KINH TẾ (30 quy trình)</b>	<b>H57.37.3</b>
36.	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh phân cấp	H57.37.3-01/TTHC
37.	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	H57.37.3-02/TTHC
38.	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	H57.37.3-03/TTHC
39.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên).	H57.37.3-04/TTHC
40.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên).	H57.37.3-05/TTHC
41.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	H57.37.3-06/TTHC
42.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	H57.37.3-07/TTHC
43.	Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư)	H57.37.3-08/TTHC
44.	Hỗ trợ chi phí di dời	H57.37.3-09/TTHC
45.	Hỗ trợ đầu tư nhà xưởng mới	H57.37.3-10/TTHC
46.	Hỗ trợ thuê mặt bằng	H57.37.3-11/TTHC
47.	Thủ tục Hỗ trợ phát triển các sản phẩm OCOP	H57.37.3-12/TTHC
48.	Thủ tục Hỗ trợ sản xuất	H57.37.3-13/TTHC
49.	Bố trí, ổn định dân cư trong huyện	H57.37.3-14/TTHC
50.	Hỗ trợ dự án liên kết	H57.37.3-15/TTHC
51.	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	H57.37.3-16/TTHC
52.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	H57.37.3-17/TTHC

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã hiệu quy trình</b>
53.	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	H57.37.3-18/TTHC
54.	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	H57.37.3-19/TTHC
55.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	H57.37.3-20/TTHC
56.	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	H57.37.3-21/TTHC
57.	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	H57.37.3-22/TTHC
58.	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	H57.37.3-23/TTHC
59.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	H57.37.3-24/TTHC
60.	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	H57.37.3-25/TTHC
61.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	H57.37.3-26/TTHC
62.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	H57.37.3-27/TTHC
63.	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	H57.37.3-28/TTHC
64.	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	H57.37.3-29/TTHC
65.	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	H57.37.3-30/TTHC
	<b>PHÒNG LAO ĐỘNG TB&amp;XH (48 quy trình)</b>	<b>H57.37.4</b>
66.	Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương do đại dịch COVID-19	H57.37.4-01/TTHC
67.	Hỗ trợ người lao động ngừng việc do đại dịch COVID-19	H57.37.4-02/TTHC
68.	Giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền	H57.37.4-03/TTHC
69.	Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	H57.37.4-04/TTHC
70.	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	H57.37.4-05/TTHC
71.	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	H57.37.4-06/TTHC
72.	Thăm viếng mộ liệt sĩ	H57.37.4-07/TTHC
73.	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm - pu - chia	H57.37.4-08/TTHC
74.	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	H57.37.4-09/TTHC
75.	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	H57.37.4-10/TTHC
76.	Đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	H57.37.4-11/TTHC
77.	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	H57.37.4-12/TTHC
78.	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	H57.37.4-13/TTHC
79.	Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	H57.37.4-14/TTHC

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã hiệu quy trình</b>
80.	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	H57.37.4-15/TTHC
81.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	H57.37.4-16/TTHC
82.	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp	H57.37.4-17/TTHC
83.	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	H57.37.4-18/TTHC
84.	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng	H57.37.4-19/TTHC
85.	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	H57.37.4-20/TTHC
86.	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	H57.37.4-21/TTHC
87.	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	H57.37.4-22/TTHC
88.	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	H57.37.4-23/TTHC
89.	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	H57.37.4-24/TTHC
90.	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	H57.37.4-25/TTHC
91.	Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	H57.37.4-26/TTHC
92.	Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.	H57.37.4-27/TTHC
93.	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	H57.37.4-28/TTHC
94.	Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm Bảo trợ xã hội	H57.37.4-29/TTHC
95.	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	H57.37.4-30/TTHC
96.	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	H57.37.4-31/TTHC
97.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	H57.37.4-32/TTHC
98.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	H57.37.4-33/TTHC

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã hiệu quy trình</b>
99.	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	H57.37.4-34/TTHC
100.	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	H57.37.4-35/TTHC
101.	Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	H57.37.4-36/TTHC
102.	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	H57.37.4-37/TTHC
103.	Thủ tục “Đề nghị tặng hoặc tụy tặng Huân chương độc lập”	H57.37.4-38/TTHC
104.	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	H57.37.4-39/TTHC
105.	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	H57.37.4-40/TTHC
106.	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	H57.37.4-41/TTHC
107.	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	H57.37.4-42/TTHC
108.	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	H57.37.4-43/TTHC
109.	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	H57.37.4-44/TTHC
110.	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	H57.37.4-45/TTHC
111.	Hỗ trợ hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh và có trong danh bạ của cơ quan thuế gặp khó khăn do đại dịch COVID-19	H57.37.4-46/TTHC
112.	Hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động đang làm việc trong doanh nghiệp	H57.37.4-47/TTHC
113.	Hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động quay trở lại thị trường lao động.	H57.37.4-48/TTHC
	<b>PHÒNG NỘI VỤ (15 quy trình)</b>	<b>H57.37.5</b>
114.	Quy trình giải quyết 06 thủ tục lĩnh vực tổ chức, biên chế	H57.37.5-01/TTHC
115.	Quy trình giải quyết 3 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực hội, tổ chức phi chính phủ	H57.37.5-02/TTHC
116.	Quy trình giải quyết 4 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực hội, tổ chức phi chính phủ	H57.37.5-03/TTHC
117.	Quy trình giải quyết 05 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực tôn giáo	H57.37.5-04/TTHC
118.	Quy trình giải quyết 08 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Thi đua - Khen thưởng	H57.37.5-05/TTHC
119.	Quy trình thẩm định thành lập thôn mới, tổ dân phố mới	H57.37.5-06/TTHC
120.	Quy trình thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	H57.37.5-07/TTHC

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã hiệu quy trình</b>
121.	Quy trình giải quyết 03 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực tôn giáo	H57.37.5-08/TTHC
122.	Quy trình giải quyết 03 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp	H57.37.5-09/TTHC
123.	Quy trình thi tuyển viên chức	H57.37.5-10/TTHC
124.	Quy trình tiếp nhận vào làm viên chức	H57.37.5-11/TTHC
125.	Quy trình xét tuyển viên chức	H57.37.5-12/TTHC
126.	Quy trình thi tuyển nâng ngạch công chức	H57.37.5-13/TTHC
127.	Quy trình thi tuyển công chức	H57.37.5-14/TTHC
128.	Quy trình tiếp nhận vào công chức	H57.37.5-15/TTHC
	<b>PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ (17 quy trình)</b>	<b>H57.37.6</b>
129.	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị	H57.37.6-01/TTHC
130.	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, IV (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	H57.37.6-02/TTHC
131.	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, IV (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	H57.37.6-03/TTHC
132.	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, IV (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	H57.37.6-04/TTHC
133.	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, IV (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	H57.37.6-05/TTHC
134.	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, IV (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	H57.37.6-06/TTHC
135.	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, IV (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	H57.37.6-07/TTHC
136.	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Trường hợp được UBND cấp tỉnh phân cấp)	H57.37.6-08/TTHC

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã hiệu quy trình</b>
137.	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ (Trường hợp được UBND cấp tỉnh phân cấp)	H57.37.6-09/TTHC
138.	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình (Trường hợp được UBND cấp tỉnh phân cấp)	H57.37.6-10/TTHC
139.	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch khu chức năng đặc thù (gồm quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết)	H57.37.6-11/TTHC
140.	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch đô thị (gồm quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết)	H57.37.6-12/TTHC
141.	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng nông thôn	H57.37.6-13/TTHC
142.	Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch đô thị (gồm quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết)	H57.37.6-14/TTHC
143.	Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch khu chức năng đặc thù (gồm quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết)	H57.37.6-15/TTHC
144.	Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn	H57.37.6-16/TTHC
145.	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng	H57.37.6-17/TTHC
	<b>PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH (47 quy trình)</b>	<b>H57.37.7</b>
146.	Điều chuyển tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	H57.37.7-01/TTHC
147.	Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư	H57.37.7-02/TTHC
148.	Quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị	H57.37.7-03/TTHC
149.	Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công.	H57.37.7-04/TTHC
150.	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước	H57.37.7-05/TTHC
151.	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công	H57.37.7-06/TTHC
152.	Quyết định điều chuyển tài sản công	H57.37.7-07/TTHC
153.	Quyết định bán tài sản công	H57.37.7-08/TTHC
154.	Quyết định bán tài sản công cho người duy nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ	H57.37.7-09/TTHC
155.	Quyết định thanh lý tài sản công	H57.37.7-10/TTHC
156.	Quyết định hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản công	H57.37.7-11/TTHC
157.	Quyết định tiêu hủy tài sản công	H57.37.7-12/TTHC
158.	Quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	H57.37.7-13/TTHC
159.	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc thẩm quyền của UBND huyện	H57.37.7-14/TTHC
160.	Đăng ký thành lập Hộ kinh doanh	H57.37.7-15/TTHC



<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã hiệu quy trình</b>
161.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký Hộ kinh doanh	H57.37.7-16/TTHC
162.	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	H57.37.7-17/TTHC
163.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	H57.37.7-18/TTHC
164.	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	H57.37.7-19/TTHC
165.	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (Quyết định số 3070 ngày 27/12/2018)	H57.37.7-20/TTHC
166.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	H57.37.7-21/TTHC
167.	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã	H57.37.7-22/TTHC
168.	Thủ tục đăng ký thành lập hợp tác xã	H57.37.7-23/TTHC
169.	Đăng ký khi hợp tác xã chia	H57.37.7-24/TTHC
170.	Đăng ký khi hợp tác xã tách	H57.37.7-25/TTHC
171.	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	H57.37.7-26/TTHC
172.	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	H57.37.7-27/TTHC
173.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	H57.37.7-28/TTHC
174.	Giải thể tự nguyện hợp tác xã	H57.37.7-29/TTHC
175.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	H57.37.7-30/TTHC
176.	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	H57.37.7-31/TTHC
177.	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	H57.37.7-32/TTHC
178.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	H57.37.7-33/TTHC
179.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	H57.37.7-34/TTHC
180.	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	H57.37.7-35/TTHC
181.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	H57.37.7-36/TTHC
182.	Thủ tục Phê duyệt quyết toán dự án dừng thực hiện vĩnh viễn có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị được nghiệm thu thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	H57.37.7-37/TTHC
183.	Thủ tục Phê duyệt quyết toán dự án dừng thực hiện vĩnh viễn không có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	H57.37.7-38/TTHC
184.	Thủ tục Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành nhóm C thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	H57.37.7-39/TTHC
185.	Thủ tục Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành nhóm B thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	H57.37.7-40/TTHC
186.	Thẩm định chủ trương đầu tư xây dựng công trình	H57.37.7-41/TTHC
187.	Trình phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình	H57.37.7-42/TTHC
188.	Trình phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình	H57.37.7-43/TTHC

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã hiệu quy trình</b>
189.	Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình	H57.37.7-44/TTHC
190.	Đăng ký hộ kinh doanh và đăng ký mã số thuế	H57.37.7-45/TTHC
191.	Đăng ký hợp tác xã và đăng ký mã số thuế	H57.37.7-46/TTHC
192.	Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công	H57.37.7-47/TTHC
	<b>PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (17 QT)</b>	<b>H57.37.8</b>
193.	Đính chính giấy chứng nhận đã cấp thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện	H57.37.8-1/TTHC
194.	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	H57.37.8-2/TTHC
195.	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	H57.37.8-3/TTHC
196.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	H57.37.8-4/TTHC
197.	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	H57.37.8-5/TTHC
198.	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	H57.37.8-6/TTHC
199.	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	H57.37.8-7/TTHC
200.	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện	H57.37.8-8/TTHC
201.	Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng	H57.37.8-9/TTHC
202.	Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam	H57.37.8-10/TTHC
203.	Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam	H57.37.8-11/TTHC
204.	Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân	H57.37.8-12/TTHC
205.	Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	H57.37.8-13/TTHC
206.	Cấp giấy phép môi trường	H57.37.8-14/TTHC

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã hiệu quy trình</b>
207.	Cấp đổi giấy phép môi trường	H57.37.8-15/TTHC
208.	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	H57.37.8-16/TTHC
209.	Cấp lại giấy phép môi trường	H57.37.8-17/TTHC
	<b>PHÒNG TƯ PHÁP (09 quy trình)</b>	<b>H57.37.9</b>
210.	Giải quyết 09 TTHC thuộc lĩnh vực chứng thực	H57.37.9-01/TTHC
211.	Giải quyết 03 TTHC thuộc lĩnh vực chứng thực	H57.37.9-02/TTHC
212.	Giải quyết 03 TTHC lĩnh vực hộ tịch	H57.37.9-03/TTHC
213.	Giải quyết 04 TTHC lĩnh vực hộ tịch	H57.37.9-04/TTHC
214.	Giải quyết 02 TTHC lĩnh vực hộ tịch	H57.37.9-05/TTHC
215.	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	H57.37.9-06/TTHC
216.	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	H57.37.9-07/TTHC
217.	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	H57.37.9-08/TTHC
218.	Giải quyết 04 TTHC lĩnh vực hộ tịch	H57.37.9-09/TTHC
	<b>PHÒNG VĂN HÓA VÀ THÔNG TIN (26 quy trình)</b>	<b>H57.37.10</b>
219.	Quy trình cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	H57.37.10-01/TTHC
220.	Quy trình cấp Giấy phép điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	H57.37.10-02/TTHC
221.	Quy trình công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”	H57.37.10-03/TTHC
222.	Quy trình Xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa hàng năm	H57.37.10-04/TTHC
223.	Quy trình Xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa	H57.37.10-05/TTHC
224.	Quy trình công nhận lần đầu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	H57.37.10-06/TTHC
225.	Quy trình công nhận lại “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	H57.37.10-07/TTHC
226.	Quy trình công nhận lần đầu “Phường đạt chuẩn đô thị văn minh”	H57.37.10-08/TTHC
227.	Quy trình công nhận lại “Phường đạt chuẩn đô thị văn minh”	H57.37.10-09/TTHC
228.	Quy trình đăng ký tổ chức Lễ hội	H57.37.10-10/TTHC
229.	Quy trình thông báo tổ chức Lễ hội	H57.37.10-11/TTHC
230.	Quy trình cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình.	H57.37.10-12/TTHC
231.	Quy trình cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình.	H57.37.10-13/TTHC
232.	Quy trình đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình.	H57.37.10-14/TTHC
233.	Quy trình cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.	H57.37.10-15/TTHC
234.	Quy trình cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.	H57.37.10-16/TTHC
235.	Quy trình đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.	H57.37.10-17/TTHC
236.	Quy trình cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.	H57.37.10-18/TTHC
237.	Quy trình Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.	H57.37.10-19/TTHC
238.	Quy trình gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.	H57.37.10-20/TTHC

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã hiệu quy trình</b>
239.	Quy trình sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.	H57.37.10-21/TTHC
240.	Quy trình khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy	H57.37.10-22/TTHC
241.	Quy trình thay đổi cơ sở dịch vụ photocopy	H57.37.10-23/TTHC
242.	Quy trình thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	H57.37.10-24/TTHC
243.	Quy trình thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng.	H57.37.10-25/TTHC
244.	Quy trình thông báo chấm dứt hoạt động đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	H57.37.10-26/TTHC
	<b>THANH TRA (08 quy trình)</b>	<b>H57.37.12</b>
245.	Tiến hành một cuộc thanh tra hành chính	H57.37.12-01/TTHC
246.	Giải quyết khiếu nại lần đầu	H57.37.12-02/TTHC
247.	Giải quyết khiếu nại lần 2	H57.37.12-03/TTHC
248.	Giải quyết tố cáo	H57.37.12-04/TTHC
249.	Kê khai tài sản, thu nhập	H57.37.12-05/TTHC
250.	Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	H57.37.12-06/TTHC
251.	Xử lý đơn	H57.37.12-07/TTHC
252.	Tiếp công dân	H57.37.12-08/TTHC